

V/v: Tranh chấp Ly hôn.

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Về con chung: Anh và chị H có 01 con chung, cháu Nguyễn Tuấn Hoàng A - sinh ngày 19/01/2019. Khi ly hôn anh có nguyện vọng xin được nuôi dưỡng cháu Hoàng A và không yêu cầu chị H phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung (động sản, bất động sản): Anh và chị H không có tài sản chung. Ly hôn, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về công nợ: Anh và chị H không có khoản vay nợ chung. Ly hôn, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại Bản tự khai ngày 14/3/2024, bị đơn chị Phạm Thị Thanh H trình bày:*

Về tình cảm: Chị và anh Nguyễn Tuấn A chung sống với nhau từ năm 2018, đến năm 2021 chị và anh Tuấn mới làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND phường L, quận Đống Đa, Hà Nội. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hòa thuận, hạnh phúc không có mâu thuẫn gì. Năm 2017 (trước khi quen anh Tuấn A) chị bị Tòa án nhân dân quận Đ 36 tháng tù về tội “Môi giới mại dâm”. Năm 2022, chị đi chấp hành án tại Phân trại 3, Trại giam T. Nay anh Tuấn A xin ly hôn, chị đồng ý.

Về con chung: Chị và anh Tuấn A có 01 con chung, cháu Nguyễn Tuấn Hoàng A - sinh ngày 19/01/2019. Hiện con chung đang ở cùng anh Tuấn A. Khi ly hôn chị đồng ý để anh Tuấn A nuôi dưỡng con chung.

Về tài sản chung (động sản, bất động sản), công nợ chung: Chị và anh Tuấn A không có tài sản chung, không có công nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Hiện chị đang chấp hành án, nên chị đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt chị. Các tài liệu có trong hồ sơ chị đã được đọc.

Tại phiên tòa, nguyên đơn anh Nguyễn Tuấn A vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Anh xin được ly hôn chị Phạm Thị Thanh H, vì mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, không còn khả năng để hàn gắn đoàn tụ; Về con chung: Anh xin được trực tiếp nuôi dưỡng con chung cháu Nguyễn Tuấn Hoàng A và không yêu cầu chị H phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung, công nợ chung: Không có, không đề nghị Tòa án xem xét giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Đ tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn, chị Phạm Thị Thanh H đang chấp hành án, chị H đề nghị được xét xử vắng mặt nên căn cứ Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, xử: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Tuấn A, cho anh Tuấn A được ly hôn với chị H. Về con chung: Xác định anh Tuấn A, chị H có 01 con chung, cháu Nguyễn Tuấn Hoàng A – sinh ngày 19/01/2029. Khi ly hôn cần giao cháu Hoàng A cho anh Tuấn A trực tiếp nuôi dưỡng. Về phần cấp dưỡng nuôi con cần ghi nhận sự tự nguyện của anh Tuấn A về việc anh không yêu cầu chị H phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung (động sản, bất động sản) và về công nợ chung: Anh Tuấn A, chị H cùng trình bày vợ chồng không có tài sản chung, công nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét; Về án phí: Anh Tuấn A phải nộp tiền án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng: Vụ án Hôn nhân và gia đình về việc “*Tranh chấp ly hôn*”, bị đơn là chị Phạm Thị Thanh H có đăng ký hộ khẩu thường trú tại: Tòa x , chung cư S, số y L, phường L, quận Đ, thành phố H. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân quận Đ thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

Bị đơn chị Phạm Thị Thanh H hiện đang chấp hành án và đề nghị được xét xử vắng mặt nên căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

Về nội dung:

- *Quan hệ hôn nhân:* Anh Nguyễn Tuấn A và chị Phạm Thị Thanh H có đăng ký kết hôn ngày 27/5/2021 tại Ủy ban nhân dân phường L, quận Đ, thành phố H, xác nhận hôn nhân của anh chị là hợp pháp.

Căn cứ vào lời khai của các đương sự, các tài liệu có trong hồ sơ, xác định: Giữa anh Nguyễn Tuấn A và chị Phạm Thị Thanh H có mâu thuẫn; Nguyên nhân mâu thuẫn là do chị H vi phạm pháp luật và bị Tòa án nhân dân quận Đ xét xử 36 tháng tù về tội “*Môi giới mại dâm*”. Chị H vi phạm pháp luật trước khi quen biết anh Tuấn A, chị H không nói cho anh Tuấn A biết việc này và hiện chị H đang chấp hành án phạt tù tại Trại giam T thuộc Tổng cục 8 – Bộ Công an. Như vậy thấy, việc anh Tuấn A xin ly hôn với chị H là có căn cứ; ý kiến của chị H, chị đồng ý ly hôn trước yêu cầu xin ly hôn của anh Tuấn A. Do vậy, cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Tuấn A và cho anh Tuấn A được ly hôn với chị Phạm Thị Thanh H theo Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

- *Về con chung:* Anh Tuấn A và chị H có 01 con chung cháu Nguyễn Tuấn Hoàng A, sinh ngày 19/01/2019, hiện cháu Hoàng A đang ở cùng anh Tuấn A. Do chị H đang chấp hành án nên cần giao cho anh Tuấn A trực tiếp nuôi dưỡng cháu Hoàng A là phù hợp. Anh Tuấn A không yêu cầu chị H phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con nên cần ghi nhận sự tự nguyện này của anh Tuấn A.

- *Về tài sản chung (động sản, bất động sản), công nợ chung:* Anh Tuấn A, chị H cùng xác nhận vợ chồng không có tài sản chung, không có công nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- *Về án phí:* Anh Tuấn A phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Từ nhận định trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Điều 56, 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;
- Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 146; Điều 147; khoản 1 Điều 228; Điều 271; Điều 273; Điều 278; Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Nghị quyết số 326/2016/NQ - UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Nguyễn Tuấn A.

Cho anh Nguyễn Tuấn A được ly hôn với chị Phạm Thị Thanh H.

2. *Về con chung*: Xác nhận anh Tuấn A, chị H có 01 con chung cháu Nguyễn Tuấn Hoàng A - sinh ngày 19/01/2019. Khi ly hôn: Giao cháu Hoàng A cho anh Tuấn A trực tiếp nuôi dưỡng; Ghi nhận sự tự nguyện của anh Tuấn A về việc anh không yêu cầu chị H phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi chấp hành xong bản án chị H có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được ngăn cản.

3. *Về tài sản chung (động sản và bất động sản), công nợ chung*: Anh Tuấn A, chị H xác nhận không có tài sản chung, không có công nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

4. *Về án phí*: Anh Tuấn A phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Xác nhận anh Tuấn A đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo Giấy thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 000001005378 ngày 01 tháng 3 năm 2024 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Đ. Nay được trừ vào tiền án phí, xác nhận anh Tuấn A đã nộp đủ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt anh Tuấn A, vắng mặt chị H. Anh Tuấn A được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày Tòa tuyên án; Chị H được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- TAND thành phố H;
- VKSND quận Đ;
- THA quận Đ;
- Các đương sự;
- UBND P.L,
quận Đ, thành phố H.
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

DƯƠNG THỊ BẠCH PHƯƠNG